

Số: 462/UBND-KTĐT

An Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2025

V/v báo cáo đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 2186/BKHĐT-KTNN ngày 24/02/2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững,

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; có kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững; là trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; trung tâm du lịch sinh thái của vùng; đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Campuchia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của người dân được ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, theo đó ưu tiên nguồn lực đầu tư của đất nước cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, hướng tới mục tiêu phát triển một nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Trong đó, tăng đầu tư ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 02 lần giai đoạn 2011 - 2020, gắn với nâng cao hiệu quả đầu tư và cơ chế điều tiết, phân bổ NSNN bảo đảm hài hòa giữa các địa phương; ưu tiên nguồn lực đầu tư để hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng kinh tế số...

Từ thực tiễn và mục tiêu phát triển đặt ra, cần rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nguồn lực đầu tư NSNN trong thời gian qua; từ đó, tham mưu, khuyến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng nguồn lực đầu tư NSNN, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nông nghiệp nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Do đó, việc nghiên cứu, xây dựng Báo cáo “Đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư

nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững” là cần thiết để thực hiện quan điểm, chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và yêu cầu phát triển đặt ra trong Kỷ nguyên mới của đất nước.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA BÁO CÁO

1. Căn cứ xây dựng Báo cáo

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 27/02/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương.

- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang năm 2018.

- Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh An Giang.

- Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch “Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang”.

- Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 về việc chọn 33 xã điểm, 03 huyện/thị xã điểm nông thôn mới và 01 huyện nông thôn mới nâng cao tập trung chỉ đạo hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh về Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Kế hoạch số 767/KH-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Kế hoạch số 964/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Phạm vi, đối tượng của Báo cáo

a) Phạm vi: Đánh giá hiệu quả nguồn lực đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp (công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đê sông, đê biển, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, hạ tầng các khu nông nghiệp công nghệ cao, hạ tầng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản....) hạ tầng kinh tế số... Từ đó, khuyến nghị giải pháp phân bổ nguồn lực đầu tư ngân sách nhà nước

cho nông nghiệp đối với từng vùng để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp.

b) Đối tượng: đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp (công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đê sông, đê biển, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, hạ tầng các khu nông nghiệp công nghệ cao, hạ tầng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản....) hạ tầng số.

III. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Các cơ chế, chính sách đầu tư ngân sách nhà nước đối với các kết cấu hạ tầng nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Các chính sách định hướng phát triển ngành nông nghiệp

Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư: phát triển cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn, phòng chống thiên tai...; đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ nhằm phát triển nông nghiệp bền vững; hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và khắc phục khó khăn cho nông nghiệp....

Chính sách tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn cho phát triển nông nghiệp, đồng thời thúc đẩy cơ sở sản xuất nông nghiệp bền vững sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.

Khuyến khích Thu hút các nguồn vốn xã hội, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1.2. Các chính sách huy động nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển nông nghiệp

Nguồn vốn chi thường xuyên cho sự nghiệp kinh tế nông nghiệp được Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2024 tổng kinh phí 1.922,97 tỷ đồng. Theo đó tỉnh đã triển khai thực hiện nạo vét, duy tu sửa chữa cống đập, hồ chứa nước, nâng cấp đê, trạm bơm,.. năm 2021-2024, tổng số 1.249 công trình (nạo vét kênh 401 công trình; gia cố đê bao 504 công trình; duy tu, sửa chữa cống bơm 217 công trình; gia cố sạt lở 125 công trình và trạm bơm 02 công trình) và thực hiện đặt hàng quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý đối với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Thủy lợi An Giang.

1.3. Một số các chính sách hỗ trợ khác

Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước số 10/2015/TT-NHNN, Thông tư số 25/2018/TT-NHNN; (2) Các chương trình tín dụng đặc thù, tín dụng chính sách, các gói tín dụng ưu đãi lãi suất dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình tín dụng nông lâm thủy sản 15.000 tỷ đồng; (3) Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày

20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (4) Thông tư số 02/2023/TT-NHNN triển khai chính sách tín dụng sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn.

Hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định số 62/2018/NĐ-CP của Chính phủ: đối với nguồn vốn hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP; Nghị định 62/2019/NĐ-CP giai đoạn 2021-2024 đáp ứng được mục tiêu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề án Thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2023 - 2025 tại Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh.

2. Tổng hợp nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025

2.1. Nguồn vốn đầu tư từ NSNN

Thực hiện Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương. Vốn đầu tư công giai đoạn 2015-2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý bố trí cho lĩnh vực nông nghiệp là 4.374.743 triệu đồng, trong đó: (i) Ngân sách trung ương: 1.223.564 triệu đồng (bao gồm: nguồn vốn ngoài nước: 1.153.920 triệu đồng; nguồn vốn trong nước: 69.644 triệu đồng); (ii) Nguồn vốn ngân sách địa phương: 3.151.179 triệu đồng (nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung cho ngành nông nghiệp: 496.000 triệu đồng); nguồn vốn chi thường xuyên cho sự nghiệp kinh tế nông nghiệp: 2.410.037 triệu đồng; nguồn vốn thu hút từ doanh nghiệp cho ngành nông nghiệp (không bao gồm FDI) là 12.707.680 triệu đồng. Theo đó hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi; hệ thống các hồ chứa; giáo dục, y tế, hạ tầng công nghệ thông tin; văn hóa - xã hội; phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng – an ninh và các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013), Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, theo đó đã phê duyệt chủ trương đầu tư 15 dự án, với

tổng nguồn vốn dự kiến hỗ trợ là 123.000 triệu đồng. Kết quả, đến nay đã hỗ trợ được 04 dự án với tổng số tiền hỗ trợ là 36.000 triệu đồng.

Về công tác đầu tư từ ngân sách đối với Chương trình nông thôn mới, trên cơ sở Quy định của Trung ương tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó tỉnh đã giao cho địa phương chủ động phê duyệt danh mục đầu tư, phê duyệt dự án (báo cáo KTKT) các công trình trên địa bàn các xã. Tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nguồn vốn trên địa bàn các xã. Đối với nguồn vốn sự nghiệp hằng năm từ nguồn ngân sách trung ương và đối ứng từ ngân sách địa phương tỉnh đã bố trí cho các huyện thực hiện 11 nội dung thành phần và 06 Chương trình chuyên đề theo Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Tổng kinh phí bố trí thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp năm giai đoạn 2022-2025 là 88.252 triệu đồng; đã thực hiện giai đoạn 2021-2024 tổng số 80 dự án phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hình thức cộng đồng và thực hiện giải ngân được 70.822 triệu đồng (ngân sách nhà nước: 40.485 triệu đồng, vốn dân góp: 30.337 triệu đồng) (*gồm: 60 dự án chăn nuôi bò, 08 dự án chăn nuôi dê, 04 dự án chăn nuôi gà thịt, 04 dự án chăn nuôi lợn, 01 dự án chăn nuôi heo, 02 dự án nuôi ếch, 01 dự án trồng nấm*); hỗ trợ cho 1.035 đối tượng nghèo tham gia, gồm: 311 hộ nghèo, 395 hộ cận nghèo, 329 hộ mới thoát nghèo (trong đó: hộ dân tộc thiểu số: 193 hộ, hộ có thành viên người có công: 20 hộ và số phụ nữ được hỗ trợ: 480 hộ).

Các danh mục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong giai đoạn 2021 – 2025 hỗ trợ thực hiện hoạt động di dân, Chương trình 135, liên kết sản xuất, hợp tác xã làng nghề và nguồn nhân lực với tổng kinh phí thực hiện là 9.391 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP; Nghị định 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ giai đoạn 2021-2024 được Trung ương cấp tổng kinh phí 893.000 triệu đồng. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa. Nhìn chung, nguồn vốn hỗ trợ cơ bản đáp ứng được mục tiêu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

Đối với chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm nông

ng nghiệp cho các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp (đối tượng bảo hiểm, rủi ro được bảo hiểm. Hỗ trợ người nông dân sản xuất lúa chủ động giảm thiểu các rủi ro do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trong quá trình sản xuất; giúp người nông dân an tâm sản xuất và ổn định kinh tế tốt hơn. Qua đó, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; thực hiện bồi thường bảo hiểm kịp thời cho các hộ khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, góp phần giúp hộ nông dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, nguồn vốn chi thường xuyên trong nông nghiệp thông qua các hoạt động sự nghiệp kinh tế nông nghiệp như Chương trình phát triển cơ giới hoá nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản, phát triển ngành muối, đánh giá chất lượng giống vật nuôi, môi trường và thức ăn chăn nuôi, đánh giá hiện trạng cơ cấu giống lúa, kiểm nghiệm giống lúa, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ thực vật, cụ thể: tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn như tổ chức hội thảo khuyến nông, hoạt động diệt chuột cộng đồng, tổ chức các lớp tập huấn về cây ăn trái, rau màu, mã số vùng trồng, tổ chức hội nghị liên kết xúc tiến thương mại về rau màu, cây ăn trái,nhằm nâng cao năng lực cho người nông dân trong quá trình canh tác, quản lý dịch hại bảo vệ năng suất và chất lượng mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân giúp tiêu thụ sản phẩm đảm bảo đầu ra ổn định, góp phần đảm bảo tăng trưởng của tỉnh đề ra.

2.2. Nguồn vốn đầu tư ngoài NSNN

Huy động, thu hút các nguồn lực, nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế có tiềm lực tài chính mạnh, sử dụng công nghệ hiện đại để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, đột phá của tỉnh; các dự án lớn có tính chất liên kết, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm đúng định hướng phát triển, phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng tại tỉnh An Giang, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp địa phương. Các chính sách tín dụng ưu đãi đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân tiếp cận nguồn vốn dễ dàng đầu tư, mở rộng sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3. Đánh giá hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025

3.1. Kết quả đạt được

Kết quả thực hiện các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP đến 31/12/2024, dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt 79.079 tỷ đồng, tăng 35,68% so với cuối năm 2021, chiếm khoảng 63,17% tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh. Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản (quy mô gói tín dụng hiện nay là 60.000 tỷ đồng): lũy kế đến thời điểm

báo cáo, đã giải ngân cho vay 3.220 tỷ đồng cho 2.064 lượt khách hàng, dư nợ 1.728 tỷ đồng.

Chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ): UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt Đề án thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023-2025 (tại Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/8/2023).

Từ nguồn vốn chi thường xuyên cho sự nghiệp kinh tế nông nghiệp được Trung ương hỗ trợ những năm qua các công trình thủy lợi như: đê, đập, kênh, rạch, cống, hồ chứa nước, trạm bơm,... trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm, ưu tiên đầu tư nâng cấp, duy tu sửa chữa, nạo vét kịp thời, kết hợp công tác quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chủ động cung cấp nguồn nước tưới phục vụ sản xuất, kể cả vào mùa kiệt, không để xảy ra hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất vụ Hè Thu; đảm bảo chống lũ, tiêu úng phục vụ sản xuất vụ Thu Đông hàng năm, góp phần tăng sản lượng lương thực hàng năm, phát triển nuôi trồng thủy sản, ... giao thông và phục vụ nước sinh hoạt.

Ngân sách nhà nước phân bổ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là: 3.672.587 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn đầu tư phát triển là: 3.217.465 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là: 455.122 triệu đồng để nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch; Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện theo hướng đồng bộ, bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang bằng cách hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện; hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan; tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

3.2. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc

3.2.1. Các rào cản về chính sách liên quan đến đầu tư chung

Bên cạnh những kết quả đạt được, nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh An Giang còn tồn tại một số hạn chế.

Thu hút, sử dụng đầu tư vào nông nghiệp còn nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao; cơ giới hóa nông nghiệp chưa đồng bộ; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao trong ngành nông nghiệp còn hạn chế; năng suất chưa cao; nhiều loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, thiếu nguồn lực để thực hiện, chậm được sửa đổi, bổ sung.

An Giang là tỉnh ở đầu nguồn của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, có rất nhiều sông, kênh, rạch. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, An Giang thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước và các loại hình thiên tai khác như: lũ, dông lốc, sét, mưa trái mùa và sạt lở đất bờ sông... làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, sức khỏe và đời sống của người dân, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của tỉnh.

3.2.2. Các rào cản và rủi ro do đặc thù của ngành nông nghiệp

Trong thời gian qua, nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, mới đáp ứng 55 - 60% nhu cầu. Bên cạnh đó, do thiếu vốn đầu tư nên cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp vẫn còn hạn chế dẫn đến năng suất lao động của khu vực này thấp. Ngoài ra, do hạn chế của việc thiếu vốn đầu tư nên việc mở rộng các ngành, các lĩnh vực sản xuất trong nông nghiệp đều gặp khó khăn. Chính sách vay vốn ưu đãi lãi suất để khuyến khích nông dân mạnh dạn đầu tư các máy, thiết bị, công nghệ tiên tiến ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ đến nay đã hết hiệu lực thi hành. Bảo hiểm nông nghiệp: đến nay chưa có sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp được Bộ Tài chính phê chuẩn chính thức để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Mặc khác, An Giang là tỉnh có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, diện tích gieo trồng nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa và nuôi trồng thủy sản; tuy nhiên nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không lớn so với nhu cầu đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp; nguồn kinh phí được cấp chỉ đảm bảo tạo nguồn tưới, tiêu và thực hiện duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi, chưa tính đến tưới tạo nguồn bằng động lực và trọng lực kết hợp động lực dẫn đến chi phí sản xuất nông nghiệp cao, thu nhập của nông dân còn rất khó khăn.

4. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

4.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế, vướng mắc

Nguồn kinh phí dành cho các hoạt động sự nghiệp của tỉnh còn thấp trong khi An Giang là tỉnh trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Chính sách vay vốn ưu đãi lãi suất để khuyến khích nông dân mạnh dạn đầu tư các máy, thiết bị, công nghệ tiên tiến ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.

4.2. Bài học kinh nghiệm

Từ những hạn chế về nguồn lực đầu tư nông nghiệp trong thời gian qua, đề thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiệu quả bền vững, đóng góp vào tăng trưởng cả nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng cần tập trung:

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư vào các ngành, lĩnh vực cần phát triển của tỉnh, gồm: kết cấu hạ tầng giao thông, khu, cụm công nghiệp; hạ tầng logistics; nông

ng nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; hạ tầng thương mại và dịch vụ chất lượng cao và du lịch.

- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi; hệ thống các hồ chứa nước; giáo dục, y tế, hạ tầng công nghệ thông tin; phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Huy động, thu hút các nguồn lực nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế có tiềm lực tài chính, sử dụng công nghệ hiện đại để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, đột phá của tỉnh.

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN LỰC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Dự báo bối cảnh, tình hình

Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng bậc nhất, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu và trong nước, lĩnh vực nông nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng kể, giữ vững vai trò trụ đỡ nền kinh tế.

Nhận thức được lợi thế về phát triển nông nghiệp, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, có nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển. Thực hiện và thể chế hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị Trung ương 7 khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Chính phủ, và các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án và cơ chế, chính sách, trong đó nổi bật là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đề án cơ cấu lại ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững. Ngày 27/02/2023, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó, một trong những mục tiêu của Chương trình là xây dựng nền nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, năng suất cao.

2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam

Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng; đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

3. Yêu cầu về nguồn lực và định hướng đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp

Lĩnh vực trồng trọt: đẩy mạnh phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng nâng cao chất lượng, an toàn, hiệu quả; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi liên kết đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (gạo chất lượng cao, rau củ quả an toàn...).

Về chăn nuôi, thủy sản: chủ động nguồn giống vật nuôi theo hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới và công nghệ sinh học trong sản xuất con giống; nuôi giữ, bảo tồn, nhân giống, phát triển giống để cung cấp cho thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu.

Lĩnh vực lâm nghiệp: tăng cường công tác bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để huy động và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả bền vững; ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, nhằm từng bước nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và hoàn thiện hệ thống bộ máy của địa phương để theo kịp sự phát triển chung.

Tăng cường giới thiệu tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của địa phương để xúc tiến mời gọi doanh nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản cũng như liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị một cách hiệu quả, bền vững.

Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các nhóm sản phẩm chủ lực, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, đẩy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng khi vay vốn; đẩy mạnh tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp, để khách hàng dễ hiểu, dễ tiếp cận, nắm bắt kịp thời các chương trình, sản phẩm tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Tiếp tục xem xét hỗ trợ cho tỉnh An Giang thực hiện các dự án hồ chứa trữ lũ, trữ nước vùng núi phục vụ phần lớn đồng bào dân tộc Khmer. Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

(Đính kèm biểu mẫu)

Trên đây là báo cáo đánh giá nguồn lực đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính gửi Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Sở: NN và MT, Tài Chính, KH-CN;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KTĐT, HCTC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức